

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/HS-ST
Ngày 17-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thi Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Ngô Văn Lâm

+ Bà Nguyễn Thị Kiều Hoanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
nghĩa hành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện nghĩa hành tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Khánh Vương– Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2018/TLST-HS, ngày 29/11/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HS, ngày 04/01/2019 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1994 tại huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn E, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 12/2012/HSST, ngày 04/01/2012 của Tòa án nhân dân huyện Q và bản án hình sự phúc thẩm số 73/2012/HSPT ngày 27/3/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; bản án số 05/2015/HSST ngày 10/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện A.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2018 mãi đến nay, có mặt tại phiên tòa

2/ Họ và tên: **Võ Xuân C** (Tên gọi khác: N), sinh ngày 30/8/1995 tại huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn D, xã G,

huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Q1 và bà Trần Thị D1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: 03 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03 tiền án về tội “trộm cắp tài sản” thể hiện tại các Bản án số 29/2014/HSST ngày 25/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện H; Bản án số 19/2015/HSST ngày 15/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện A và Bản án số 04/2015/HSST ngày 20/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện M;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2018 mãi đến nay, có mặt tại phiên tòa

- Người bị hại:

- + Võ Duy L1, sinh năm 1972, vắng mặt
Trú tại: Thôn K, xã B, huyện A, tỉnh Quảng Ngãi
- + Bùi Thị Xuân M1, sinh năm 1948, có mặt
Trú tại : Thôn Z, xã X, huyện A, tỉnh Quảng Ngãi
- + Nguyễn Thị D2, sinh năm 1968, có mặt
Trú tại: Thôn V, xã P, huyện A, tỉnh Quảng Ngãi
- + Lương Thị N1, sinh năm 1948, có mặt
- + Lương Quang C1, sinh năm 1948, có mặt
Cùng trú tại: Thôn Y, xã P, huyện A, tỉnh Quảng Ngãi
- + Bùi Đình V1, sinh năm 1972, có mặt
Trú tại: Thôn B3, xã HM, huyện A, tỉnh Quảng Ngãi
- + Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968, có mặt
Trú tại: Thôn PL, xã H7, huyện A, tỉnh Quảng Ngãi

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- + Trương Quang D4, sinh năm 1971, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt
- + Bùi Thị T6, sinh năm 1975, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt
Cùng trú tại: Thôn TN, xã A5, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa; nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Văn S, sinh năm 1994 ở thôn E, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi với Võ Xuân C, sinh năm 1995 ở thôn D, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi là những đối tượng có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, không có nghề nghiệp, có quan hệ quen biết nhau. Để có tiền tiêu xài, C đã chủ động rủ và thống nhất với S cùng nhau điều khiển xe máy đi trên các tuyến đường trong thôn, xóm trên địa bàn huyện A tìm kiếm những nhà dân đi làm vắng không có người ở nhà hoặc nhà nào quản lý tài sản sơ hở thì đột nhập trộm cắp luồn đồ, bán lấy tiền tiêu xài. Ngày 13/3/2018, Võ Xuân C đem 01 (một) bộ luồn có đặc điểm: Bộ luồn bằng kim loại màu vàng gồm có ba món; hai chân đèn kích thước mỗi chân đèn 15cm, đường kính đoạn tròn

giữa 18cm, chiều cao 31cm; 01 đỉnh có chiều dài 29cm, rộng 16cm, cao 38,5cm, trọng lượng là 7,5kg (Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự xác định giá trị tại thời điểm tạm giữ ngày 13/3/2018 là 3.240.000 đồng (Ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) để đi tiêu thụ thì bị phát hiện, lập biên bản và áp giải về Công an huyện A làm việc. Quá trình điều tra Võ Xuân C khai nhận bộ lư đồng trên do C và Nguyễn Văn S trộm cắp được trước đó trên địa bàn huyện A nhưng không nhớ được chính xác thời gian và địa điểm; sau đó C và S đem cất giấu tại chân cầu XT ở thành phố Quảng Ngãi đến ngày 13/3/2018, khi C đem tiêu thụ thì bị bắt giữ.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn S và Võ Xuân C đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm pháp luật của mình phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập được.

Ngoài ra, với phương thức, thủ đoạn như trên từ ngày 21/02/2018 đến ngày 10/3/2018, Nguyễn Văn S và Võ Xuân C cùng với nhau thực hiện 07 vụ trộm cắp lư đồng khác trên địa bàn huyện A. Cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 10/3/2018, Nguyễn Văn S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76P6- 0092 (do cha S đứng tên chủ sở hữu) chở Võ Xuân C đi đến huyện A theo tuyến đường đi từ xã R, huyện Q đến đoạn đường trong cầu Xóm Xiết nơi giao nhau với đường cao tốc đang thi công, S rẽ vào đường cao tốc đi về hướng Đông đi được khoảng 150m rẽ phải vào đường bê tông, đi đến cuối đường thì gặp một cây cầu, cả hai tiếp tục chạy được khoảng 100m thì phát hiện nhà anh Võ Duy L1, sinh năm 1972 ở thôn K, xã B, huyện A, tỉnh Quảng Ngãi không có ai ở nhà. S dừng xe đứng ngoài cảnh giới, C đột nhập vào nhà anh L1 trộm cắp 01 (một) bộ lư bằng đồng, gồm 03 món là 02 chân đèn có kích thước bằng nhau (đều cao khoảng 55 cm, đường kính chân đèn khoảng 23cm, đường kính đĩa tròn giữa khoảng 25 cm); 01 lư hương (cao khoảng 60 cm; trọng lượng bộ lư là 18kg), C bỏ vào thùng catton (loại thùng thuốc ngựa trắng) ôm ra ngoài, cả hai đem đến tiệm thu mua phế liệu của anh Trương Quang D4, sinh năm 1971, ở thôn TN, xã A5, thành phố Quảng Ngãi để bán. S đứng ngoài còn C ôm thùng catton vào gặp anh D4 thống nhất bán với giá 80.000đ/kg, C bán được số tiền 1.450.000đ (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) đưa cho S số tiền 600.000đ, còn lại C giữ tiêu xài đã hết. Tại bản kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTTHS ngày 13/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện A kết luận: Giá trị tài sản trên là: 6.400.000đ (Sáu triệu bốn trăm ngàn đồng).

- Vụ thứ hai: Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 21/02/2018, C điều khiển xe Dream mang biển số 76V4 - 9785 (do ông Võ Q1 là cha của C đứng tên chủ sở hữu) chở S đi theo hướng từ thị trấn S9, huyện Q lên A; khi đến địa bàn huyện A cả hai đi vào xóm theo đường bê tông, phát hiện nhà bà Bùi Thị Xuân M1, sinh năm 1948 ở Z, xã X, huyện A, tỉnh Quảng Ngãi không có ai ở nhà; C đứng ngoài cảnh giới, S đột nhập trộm một bộ lư đồng có trọng lượng khoảng 10 kg, đem bán được khoảng 800.000đ

chia nhau tiêu xài. Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự xác định giá trị tài sản là 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Vụ thứ ba: Khoảng 8 giờ 00 phút ngày 28/02/2018, C điều khiển xe Dream mang biển số 76V4 - 9785 chở S đi từ hướng bãi rác thuộc xã N8, huyện Q đến đoạn kênh P6 vào huyện A, theo đường bê tông chạy lòng vòng, phát hiện nhà chị Nguyễn Thị D2, sinh năm 1968 ở thôn V, xã P, huyện A, tỉnh Quảng Ngãi không có ai ở nhà. C đứng ngoài cánh giới, S đột nhập trộm một bộ lư đồng có trọng lượng khoảng 10 kg, đem bán được khoảng 800.000 đồng chia nhau tiêu xài. Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự xác định giá trị là 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Vụ thứ tư: Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 01/3/2018, Võ Xuân C điều khiển xe Dream mang biển số 76V4 - 9785 chở S đi từ hướng bãi rác thuộc xã N8, huyện Q đến kênh P6 vào huyện A, theo đường bê tông phát hiện nhà bà Lương Thị N1, sinh năm 1948, ở thôn Y, xã P, huyện A, tỉnh Quảng Ngãi không có ai ở nhà. C đứng ngoài cánh giới, S đột nhập trộm một bộ lư đồng có trọng lượng khoảng 10 kg, đem bán được khoảng 800.000đ chia nhau tiêu xài. Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự xác định giá trị là 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Vụ thứ năm: Khoảng 8 giờ 00 phút ngày 05/3/2018, C điều khiển xe Dream mang biển số 76V4 - 9785 chở S đi từ hướng Bãi rác thuộc xã N8, huyện Q theo kênh P6 vào huyện A, theo đường bê tông các đối tượng chạy lòng vòng phát hiện nhà anh Bùi Đình V1, sinh năm 1972, ở thôn B3, xã HM, huyện A, tỉnh Quảng Ngãi không có ai ở nhà. C đứng ngoài cánh giới, S đột nhập trộm một bộ lư đồng có trọng lượng khoảng 12 kg, đem bán được khoảng 1.000.000đ chia nhau tiêu xài. Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự xác định giá trị là 4.320.000 đồng (Bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

- Vụ thứ sáu: Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 06/3/2018, C điều khiển xe Dream mang biển số 76V4 - 9785 chở S đi từ hướng xã Nghĩa Điền, huyện Q qua xã B, huyện A khi qua đèo eo gió khoảng 1km, rồi rẽ phải theo đường bê tông phát hiện nhà chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968 ở thôn PL, xã H7, huyện A, tỉnh Quảng Ngãi không có ai ở nhà. C đứng ngoài cánh giới, S đột nhập trộm một bộ lư đồng có trọng lượng khoảng 08 kg, đem bán được khoảng 650.000đ chia nhau tiêu xài. Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự xác định giá trị là 3.060.000 đồng (Ba triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Vụ thứ bảy: Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 12/3/2018, Võ Xuân C điều khiển xe Dream mang biển số 76V4 - 9785 chở S đi từ hướng Bãi rác thuộc xã N8, huyện Q theo kênh P6 vào huyện A và phát hiện nhà ông Lương Quang C1, sinh năm 1948 ở thôn Y, xã P, huyện A, tỉnh Quảng Ngãi không có ai ở nhà. C đứng ngoài cánh giới, S đột nhập trộm một bộ lư đồng có trọng lượng khoảng 10 kg, đem bán được khoảng 800.000đ chia nhau tiêu xài. Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự xác định giá trị là 3.780.000 đồng (Ba triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ một số vật chứng, đồ vật, tài sản có liên quan gồm:

- 01 (một) bộ lư bằng kim loại màu vàng gồm có ba món: hai chân đèn kích thước mỗi chân đèn 15cm, đường kính đoạn tròn giữa 18cm, chiều cao 31cm; 01 đỉnh có chiều dài 29cm, rộng 16cm, cao 38,5cm. Trọng lượng là 7,5kg, tình trạng đã qua sử dụng.

- 01 (một) thùng giấy có nhãn hình con ngựa trắng và dòng chữ WHITE HORSE, kích thước (49 x 45 x 30)cm.

- 01 (một) hình búp sen bằng kim loại màu vàng, bên trong có gắn bóng đèn (trái ợt) màu đỏ.

Cáo trạng số 1991/QĐ-VKS, ngày 29/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và bị cáo Võ Xuân C về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên thực hành quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn S, Võ Xuân C phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điểm g, h Khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 32, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Xuân C từ 24 đến 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/3/2018.

Áp dụng Điểm g Khoản 2 Điều 173; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 32, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 36 đến 42 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/3/2018.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên:

- + Giao cho công an huyện A 01 (một) bộ lư bằng kim loại màu vàng gồm có ba món: Hai chân đèn kích thước mỗi chân đèn 15cm, đường kính đoạn tròn giữa 18cm, chiều cao 31cm; 01 đỉnh có chiều dài 29cm, rộng 16cm, cao 38,5cm. Trọng lượng là 7,5kg, tình trạng đã qua sử dụng để tiếp tục điều tra xác định chủ sở hữu theo quy định pháp luật.

- + Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) thùng giấy có nhãn hình con ngựa trắng và dòng chữ WHITE HORSE, kích thước (49 x 45 x 30)cm.

- + Trả lại cho ông D4, bà T6: 01 (một) hình búp sen bằng kim loại màu vàng, bên trong có gắn bóng đèn (trái ợt) màu đỏ.

- Về phần dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản theo quy định pháp luật.

- Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn S, Võ Xuân C phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố; điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 37 Bộ luật Tố tụng hình sự; kiểm sát viên thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 42 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng gì của điều tra viên, kiểm sát viên. Do đó, trình tự, thủ tục tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn S, Võ Xuân C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung vụ án. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Nguyễn Văn S, Võ Xuân C là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; có đủ khả năng hiểu biết và điều khiển hành vi của mình. Nhưng vì háms lợi và để có tiền tiêu xài cá nhân nên Võ Xuân C đã chủ động rủ và thống nhất với Nguyễn Văn S cùng nhau điều khiển xe máy đi trên các tuyến đường trong thôn xóm trên địa bàn huyện A tìm kiếm những nhà dân đi làm vắng không có người ở nhà hoặc nhà nào quản lý tài sản sơ hở thì đột nhập trộm cắp lư đồng, bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Từ ngày 21/02/2018 đến ngày 13/3/2018 các bị cáo đã cùng nhau thực hiện 08 lần trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện A với mỗi lần trộm cắp đều có giá trị trên 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Tổng giá trị thiệt hại là 31.600.000đ (Ba mươi mốt triệu sáu trăm ngàn đồng).

Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn. Trong đó, các bị cáo đều là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo Võ Xuân C là người tích cực, chủ động, rủ rê bị cáo Nguyễn Văn S thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Nguyễn Văn S là người đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm (Bản án đã có hiệu lực pháp luật chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý. Quá trình giải quyết vụ án xác định Bản án hình sự phúc thẩm số 73/2012/HSPT, ngày 27/3/2012 xác định bị cáo Nguyễn Văn S sinh ngày 14/6/1994 (theo giấy khai sinh) và bản án hình sự sơ thẩm số 05/2015/HSST, ngày 10/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Quảng Ngãi xác định bị cáo Nguyễn Văn S sinh ngày 14/5/1995 (theo sổ hộ khẩu) là một người phù hợp với lời khai của bị cáo; phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với kết luận giám định số 457/KLGĐ-PC54, ngày 29/5/2018 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Quảng Ngãi và kết luận giám

định số 204/18/TgT, ngày 19/10/2018 của Viện pháp y Quốc gia thuộc Bộ y tế nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định được bị cáo Nguyễn Văn S sinh năm 1994.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và bị cáo Võ Xuân C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã cùng nhau thực hiện 08 lần hành vi trộm cắp tài sản với số tiền đều trên 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Võ Xuân C phạm tội khi chưa được xóa án tích là tình tiết tăng nặng tái phạm được quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn S, Võ Xuân C trong quá trình điều tra và tại phiên tòa khai báo thành khẩn; mỗi bị cáo đã tích cực tác động đến gia đình nộp số tiền 2.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A để bồi thường khắc phục một phần hậu quả nên cần áp dụng Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi xét xử đối với bị cáo.

[5] Hội đồng xét xử cũng xét thấy: Các bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; bị xử phạt tù chưa được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn cố ý tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian; xét xử bị cáo với mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về phần dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự. Do đó, cần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại. Cụ thể, các bị cáo Võ Xuân C, Nguyễn Văn S mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Võ Duy L1 số tiền là 3.200.000đ; bồi thường cho Bùi Thị Xuân M1 số tiền là 1.800.000đ; bồi thường cho Nguyễn Thị D2 số tiền là 1.800.000đ; bồi thường cho Lương Thị N1 số tiền là 1.800.000đ; bồi thường cho Bùi Đình V1 số tiền là 2.160.000đ; bồi thường cho Nguyễn Thị Đ số tiền là 1.530.000đ; bồi thường cho ông Lương Quang C1 số tiền là 1.890.000đ. Tổng cộng mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 14.180.000đ.

Đối với số tiền 2.000.000đ mà bà Lê Hồng Mẫn nộp thay cho Võ Xuân C và bà Lê Thị L nộp thay cho Nguyễn Văn S để đảm bảo thi hành án cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) bộ lư bằng kim loại màu vàng gồm có ba món: hai chân đèn kích thước mỗi chân đèn 15cm, đường kính đoạn tròn giữa 18cm, chiều cao 31cm; 01 đỉnh có chiều dài 29cm, rộng 16cm, cao 38,5cm. Trọng lượng là 7,5kg, tình trạng đã qua sử dụng là tài sản do các bị cáo trộm cắp; Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng vẫn chưa xác định được chủ sở hữu. Do đó, cần giao cho Công an huyện A quản lý để tiếp tục làm rõ chủ sở hữu và xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với 01 (một) thùng giấy có nhãn hình con ngựa trắng và dòng chữ WHITE HORSE, kích thước (49 x 45 x 30)cm. Hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tịch tiêu hủy.

Đối với 01 (một) hình búp sen bằng kim loại màu vàng, bên trong có gắn bóng đèn (trái ợt) màu đỏ của vợ chồng ông D4, bà T6 không liên quan gì đến vụ án nên cần trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với xe mô tô các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Các xe mô tô trên khi các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội thì các chủ sở hữu không biết các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ và không xử lý là phù hợp.

[8] Đối với ông Trương Quang D4, bà Bùi Thị T6 là người mua bán vật liệu xây dựng; khi mua bán tài sản do các bị cáo phạm tội mà có thì ông D4, bà T6 không biết tài sản trên do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện A không xử lý là phù hợp.

[9] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt, dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Các bị cáo Võ Xuân C, Nguyễn Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 709.000đ (14.180.000đ x 5%) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm g Khoản 2 Điều 173; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn S;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điểm g, h Khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Võ Xuân C;

Căn cứ vào Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1- Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn S, Võ Xuân C (tên gọi khác: N) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/3/2018.

3- Xử phạt bị cáo Võ Xuân C (tên gọi khác: N) 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/3/2018.

4- Về phần dân sự: Buộc bị cáo Võ Xuân C, Nguyễn Văn S mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Võ Duy L1 số tiền là 3.200.000đ; bồi thường cho Bùi Thị Xuân M1 số tiền là 1.800.000đ; bồi thường cho Nguyễn Thị D2 số tiền là 1.800.000đ; bồi thường cho Lương Thị N1 số tiền là 1.800.000đ; bồi thường cho Bùi Đình V1 số tiền là 2.160.000đ; bồi thường cho Nguyễn Thị Đ số tiền là 1.530.000đ; bồi thường cho ông Lương Quang C1 số tiền là 1.890.000đ. Tổng cộng mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 14.180.000đ (Mười bốn triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.000.000đ theo biên lai thu số 05835, ngày 27/12/2018 và 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo biên lai số 05833, ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thi hành thì bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời hạn chưa thi hành án.

5- Về xử lý vật chứng:

Giao 01 (một) bộ lư bằng kim loại màu vàng gồm có ba món: hai chân đèn kích thước mỗi chân đèn 15cm, đường kính đoạn tròn giữa 18cm, chiều cao 31cm; 01 đỉnh có chiều dài 29cm, rộng 16cm, cao 38,5cm. Trọng lượng là 7,5kg, tình trạng đã qua sử dụng cho Công an huyện A quản lý để tiếp tục làm rõ chủ sở hữu và xử lý theo quy định pháp luật.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) thùng giấy có nhãn hình con ngựa trắng và dòng chữ WHITE HORSE, kích thước (49 x 45 x 30)cm.

Trả lại cho vợ chồng ông Trương Quang D4, bà Bùi Thị T6: 01 (một) hình búp sen bằng kim loại màu vàng, bên trong có gắn bóng đèn (trái ốt) màu đỏ.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/01/2019 giữa Công an với Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

6- Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn S, Võ Xuân C mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 709.000đ (Bảy trăm lẻ chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện A;
- Cơ quan THAHS CA huyện A;
- Nhà tạm giữ CA huyện A;
- Cơ quan CSĐT CA huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thi Thơ